

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá nhân công thực hiện công trình lâm sinh
trên địa bàn thành phố Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNV ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) quy định hệ số tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (nay là thành phố).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3929/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá nhân công thực hiện công trình lâm sinh trên địa bàn thành phố Huế, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đơn giá nhân công thực hiện các công trình lâm sinh làm cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, thanh quyết toán kinh phí đối với các chương trình, dự án, công trình lâm nghiệp sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí trồng rừng thay thế trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động đầu tư lâm nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước, kinh phí trồng rừng thay thế trên địa bàn thành phố Huế.

Khuyến khích áp dụng đối với các chương trình, dự án, hoạt động lâm nghiệp sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

3. Đơn giá nhân công thực hiện các công trình lâm sinh

$$G_{nc} = \frac{(H_{cb} + H_{pc}) \times L_{cs} \times (1 + H_{đc})}{26 \text{ ngày}}$$

Trong đó:

- G_{nc} : Đơn giá nhân công tính cho một ngày công trực tiếp lao động sản xuất.
- H_{cb} : Hệ số lương theo cấp bậc công việc theo từng nội dung công việc.
- L_{cs} : Mức lương cơ sở.
- H_{pc} : Hệ số phụ cấp khu vực trên địa bàn thành phố.
- $H_{đc}$: Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương theo địa bàn các vùng.
- **26**: Số ngày làm việc bình quân trong tháng theo hướng dẫn hiện hành.

Hạng mục công việc	Hệ số phụ cấp khu vực	Đơn giá nhân công (đồng)		
		Vùng II	Vùng III	Vùng IV
1. Công nhân sản xuất, cung ứng giống, trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng (bậc 4/7)		332.775	309.825	
	0,1	345.825	321.975	
	0,2		334.125	
	0,3		346.275	
	0,5		370.575	343.125
	0,7			365.625
2. Lao động thiết kế (bậc 4/9)		434.565	404.595	
	0,1	447.615	416.745	
	0,2		428.895	
	0,3		441.045	
	0,5		465.345	430.875
	0,7			453.375

(Có Phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đơn giá nhân công quy định tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, công trình lâm sinh sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí trồng rừng thay thế trên địa bàn thành phố Huế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp mức lương cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh thì áp dụng mức lương cơ sở mới kể từ thời điểm văn bản quy định có hiệu lực thi hành để xác định đơn giá nhân công theo công thức quy định tại Điều 1 Quyết định này mà không phải ban hành lại Quyết định điều chỉnh đơn giá nhân công.

3. Trường hợp các quy định pháp luật có liên quan đến phụ cấp khu vực, định mức kinh tế - kỹ thuật lâm nghiệp hoặc các yếu tố cấu thành đơn giá nhân công khác có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh đơn giá nhân công đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đơn giá nhân công thực hiện công trình lâm sinh sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các công trình lâm sinh sử dụng nguồn vốn ngân sách đã được phê duyệt thiết kế, dự toán trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục tổ chức thực hiện; không lập, điều chỉnh lại tổng mức đầu tư, dự toán theo đơn giá nhân công tại Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, NĐ;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh